TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số:149/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 10/11/2022
"*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Lê Na**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Kiều Trang và** Ông **Trịnh Đăng Huấn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Công Hách** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H: Bà **Trần Thị Ngoan** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2022/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 375/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân quận H B Tr, thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 170/2022/QĐXX-PT ngày 13 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 26/10/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị H**, sinh năm 1986

Hộ khẩu thường trú: số 44 ngõ An S, phố Đại L, phường Trương Đ, quận H B Tr, thành phố H. *Vắng mặt.*

Nơi ở hiện nay: Ngõ Yên Thế, quận Ba Đình, thành phố H.

Bị đơn: Anh **Bùi Mạnh C**, sinh năm: 1965

Trú tại: Số 44 ngõ An Sơn, phố Đại L, phường Trương Đ, quận H B Tr, thành phố H. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân và tình cảm: Chị H và anh Bùi Mạnh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 19/01/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Trương Đ, quận H B Tr, thành phố H. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống tại số 44 ngõ An Sơn, phố Đại L, phường Trương Đ, quận H B Tr, thành phố H.

Quá trình chung sống với nhau đến năm 2018 anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống khác nhau, thường xuyên cãi nhau, có lúc dẫn đến đánh nhau. Chị H không thể tiếp tục chung sống cùng anh C nên tháng 2 năm 2021 Chị H đã về sống cùng bố mẹ đẻ ở Thôn Thiều X, xã Cầu L, huyện Hậu L, tỉnh T H, từ tháng 2 năm 2021 đến nay. Vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau, mỗi người sống một nơi, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục. Chị H xin được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị H và anh C có một con chung tên là Bùi Nhật N, sinh ngày 03/3/2013, hiện nay sức khỏe con chung bình thường và phát triển tốt, đang ở cùng anh C. Khi ly hôn Chị H đồng ý để anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H cấp dưỡng nuôi cháu Nam mỗi tháng 2.000.000 đồng. Nếu anh C không đồng ý mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng thì Chị H xin được nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Chị H làm công nhân may tại Thanh H mỗi tháng 5.000.000 đồng, do chị làm tư nhân và thời vụ nên không xin được xác nhận mức thu nhập hàng tháng, Chị H đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị H và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H và anh C không có, khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H đồng ý chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, chị Đỗ Thị H không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn anh Bùi Mạnh C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân và tình cảm: Anh C và chị Đỗ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 19/01/2012 tại UBND phường Trương Đ, quận H B Tr, thành phố H. Sau khi kết hôn anh chị chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh chị chênh lệch tuổi tác nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, Chị H đã bỏ nhà 03 lần, lần cuối là ngày 19/02/2021. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2021 đến nay. Anh đồng ý ly hôn chị Hà.

- Về con chung: Anh xác nhận anh và Chị H có một con chung là Bùi Nhật N, sinh ngày 03/3/2013, hiện nay sức khỏe của cháu bình thường, phát triển tốt đang ở cùng với anh. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không đồng ý mức cấp dưỡng của Chị H để nuôi cháu Nam mỗi tháng 2.000.000 đồng. Anh yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng. Hiện nay anh làm công việc tự do mỗi tháng thu nhập khoảng 7.000.000 đồng. Do anh làm tự do nên không có xác nhận mức thu nhập nộp cho Tòa án.

- Về tài sản chung: Anh và Chị H không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh và Chị H không có, khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh và Chị H thỏa thuận do Chị H chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên hòa giải ngày 17/5/2022, anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng anh đồng ý ly hôn với điều kiện Chị H phải thực hiện các việc sau:

+ Anh yêu cầu Chị H ký biên bản xác nhận 02 giấy ghi âm ngày 07/7/2020 và ngày 19/7/2020 của bố đẻ anh trước khi mất.

+ Anh yêu cầu Chị H xác nhận chị họ Chị H có đưa cho anh Bùi Mạnh Th, Bùi Mạnh Hồng số tiền 70.000.000 đồng và Chị H đưa cho anh Bùi Mạnh Th số tiền 40.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần đưa ông Th là 110.000.000 đồng.

+ Chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, vay nợ chung, án phí: Anh C giữ nguyên ý kiến. Anh trình bày thêm hiện sức khỏe của cháu Bùi Nhật N có một số bệnh nền, mắt 03 tháng phải đi khám định kỳ một lần, răng đang phát triển 02 tuần phải kiểm tra, chụp X-Quang một lần.

Tại bản án sơ thẩm số 375/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân quận H B Tr, thành phố H quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220; Điều 271; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; điều 57 các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24; khoản 5,6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị H đối với anh Bùi Mạnh C. Chị H được ly hôn anh C.

2. Về con chung: Xác nhận anh C Chị H có một con chung là Bùi Nhật N, sinh ngày 03/3/2013, hiện nay sức khỏe con chung bình thường và phát triển tốt, đang ở cùng anh C. Khi ly hôn, giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung kể từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con. Chị Đỗ Thị H cấp dưỡng nuôi con chung cháu Bùi Nhật N mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Chị Đỗ Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về công nợ: Giành quyền khởi kiện cho chị Hà, anh C về việc cho anh Bùi Mạnh Th, anh Bùi Mạnh C vay số tiền 110.000.000 đồng (*một trăm mười triệu đồng)* trong vụ án khi có yêu cầu.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 06/7/2022, bị đơn là anh Bùi Mạnh C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 375/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân

dân quận H B Tr với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Tại phiên tòa anh C vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố H:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng tại phiên tòa. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Mạnh C, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 375/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân quận H B Tr, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Mạnh C làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vào ngày 06/7/2022 là trong thời hạn kháng cáo nên Tòa án nhân dân thành phố H chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hôn nhân: Chị H và anh C đều thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2021. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà, cho Chị H được ly hôn với anh C là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Nhật N, sinh ngày 03/3/2013, hiện nay đang sống cùng anh C. Chị H hiện nay chưa có chỗ ở ổn định, anh C có chỗ ở ổn định nên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu Nam, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm giao cháu Nam cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa anh C yêu cầu Chị H cấp dưỡng cho cháu Nam 4.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng trách nhiệm chăm sóc con cái là của cả cha và mẹ, việc quyết định mức cấp dưỡng còn cần phải căn cứ vào mức thu nhập của cả hai bên có nghĩa vụ nuôi con. Hiện nay Chị H chưa có công việc ổn định, đang đi làm thuê ở quán ăn, mức thu nhập khoảng 5-6 triệu đồng/tháng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm quyết định mức cấp dưỡng hàng tháng của Chị H cho cháu Nam 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp. Không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu tăng mức cấp dưỡng của anh C.

Về tài sản chung: Tại quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm anh C, Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét.

Về nợ: Anh C yêu cầu Chị H phải có trách nhiệm xác nhận các khoản vay và cùng anh đòi 02 khoản nợ gồm:

+ Năm 2014: Chị Bùi Thị Xuân Nga (chị họ chị Hà) đưa cho anh Bùi Mạnh Th và anh Bùi Mạnh Hồng số tiền 70.000.000 đồng.

+ Năm 2015: Chị Đỗ Thị H đưa cho anh Bùi Mạnh Th số tiền 40.000.000 đồng khi cháu Nhật Nam ra Bắc chơi với ông nội.

Trong đó anh Bùi Mạnh Th đã thanh toán 23.000.000 đồng, còn nợ: 87.000.000 đồng.

Anh còn đề nghị Tòa án yêu cầu chị Đỗ Thị H xác nhận bản ghi âm để anh có căn cứ làm việc về vấn đề tranh chấp tài sản của gia đình.

Hội đồng xét xử thấy rằng, tại cấp sơ thẩm anh C không cung cấp được các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của mình và nơi cư trú của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên Tòa án cấp sơ thẩm không có căn cứ xem xét nội dung này và đã dành quyền khởi kiện cho anh C ở vụ án dân sự khác khi có yêu cầu là có căn cứ.

Đối với các nội dung liên quan đến việc yêu cầu Chị H xác nhận bản ghi âm, xác nhận khoản cho vay và cùng đòi nợ. Xét thấy, các nội dung này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Mạnh C và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Kháng cáo của anh Bùi Mạnh C không được chấp nhận nên anh phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Mạnh C. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 375/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân quận H B Tr, thành phố H.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0012375 ngày 14/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận H B Tr. Chị H còn phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí.

Anh Bùi Mạnh C phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình phúc thẩm là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0013002 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận H B Tr.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại H;
- VKSND thành phố H;
- TAND quận H B Tr;
- THADS quận H B Tr;
- UBND phường Trương Đ, quận H B Tr, H.
- Các đương sự;
- Lưu HS+ VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Lê Na